

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH TRÀ VINH

Số: 120 /BC-UBND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Trà Vinh, ngày 04 tháng 6 năm 2021

BÁO CÁO

Tình hình kinh tế - xã hội tháng 5, một số công tác trọng tâm tháng 6 năm 2021 (từ ngày 16/4/2021 đến ngày 15/5/2021)

Trong tháng 5/2021, UBND tỉnh chỉ đạo các cấp, các ngành tiếp tục tập trung thực hiện nhiệm vụ kép vừa phòng, chống dịch Covid-19 vừa phát triển kinh tế - xã hội; thực hiện tốt công tác bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV và đại biểu HĐND các cấp nhiệm kỳ 2021 - 2026. Tình hình sản xuất phục hồi và phát triển khá trên hầu hết các lĩnh vực; thu ngân sách trên địa bàn đạt khá; vệ sinh an toàn thực phẩm, cảnh quan môi trường được đảm bảo; đời sống nhân dân ổn định. Tuy nhiên, tình hình dịch bệnh Covid-19 còn diễn biến phức tạp và tiềm ẩn nguy cơ lây lan vào địa bàn tỉnh, an ninh trật tự, tệ nạn xã hội còn xảy ra chưa được kéo giảm. Trước tình hình đó, Ủy ban nhân dân tỉnh tập trung chỉ đạo các ngành, các cấp tập trung thực hiện các nhiệm vụ đạt được một số kết quả sau:

I. HOẠT ĐỘNG CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH CỦA UBND, CHỦ TỊCH UBND TỈNH THÁNG 5 NĂM 2021

1. Các cuộc họp, làm việc của UBND, Chủ tịch UBND tỉnh

Tháng 5/2021, ngoài chỉ đạo, điều hành xử lý các công việc thường xuyên theo kế hoạch và chương trình công tác, Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh đã chủ trì và tham dự 76 cuộc họp, hội nghị; 09 cuộc tiếp và làm việc với các Bộ, ngành Trung ương và doanh nghiệp; 28 cuộc kiểm tra, khảo sát thực tế địa phương. Đồng thời, Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh tập trung chỉ đạo một số vấn đề quan trọng như:

Chỉ đạo phổ biến, triển khai thực hiện các văn bản như: Nghị định số 52/2021/NĐ-CP ngày 19/04/2021 của Chính phủ về gia hạn thời hạn nộp thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế thu nhập cá nhân và tiền thuê đất năm 2021; Nghị quyết số 45/NQ-CP ngày 16/04/2021 của Chính phủ về phiên họp triển khai công việc sau khi được kiện toàn tại Kỳ họp thứ 11, Quốc hội khóa XIV; Nghị quyết số 48/NQ-CP ngày 05/06/2021 của Chính phủ về phiên họp thường kỳ tháng 4 năm 2021; Quyết định số 501/QĐ-TTg ngày 30/03/2021 của Thủ tướng Chính phủ về giao dự toán chi khám, chữa bệnh bảo hiểm y tế năm 2021; Quyết định số 593/QĐ-TTg ngày 22/04/2021 của Thủ tướng Chính phủ phân công công tác của Thủ tướng và các Phó Thủ tướng Chính phủ; Quyết định số 18/2021/QĐ-TTg ngày 22/04/2021 của Thủ tướng Chính phủ quy định về dự báo, cảnh báo và truyền tin thiên tai và cấp độ rủi ro thiên tai; Quyết định số 605/QĐ-TTg ngày 23/04/2021 của Thủ tướng Chính

phủ kiện toàn thành viên Ban Chỉ đạo Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030; Quyết định số 638/QĐ-TTg ngày 29/04/2021 của Thủ tướng Chính phủ về thay đổi thành viên Ban Chỉ đạo quốc gia, Ban Tổ chức Đại hội Thể thao Đông Nam Á lần thứ 31 và Đại hội Thể thao người khuyết tật Đông Nam Á lần thứ 11 năm 2021 tại Việt Nam; Quyết định số 646/QĐ-TTg ngày 05/05/2021 của Thủ tướng Chính phủ về thay đổi thành viên Ban Chỉ đạo cải cách hành chính của Chính phủ; Quyết định số 695/QĐ-TTg ngày 10/5/2021 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Đề án "Nâng cao năng lực, hiệu lực, hiệu quả giám sát kiểm tra, thanh tra nhằm phòng ngừa, phát hiện xử lý hành vi vi phạm pháp luật, tiêu cực tham nhũng, lãng phí trong doanh nghiệp nhà nước"; Chỉ thị số 11/CT-TTg ngày 16/04/2021 của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường chỉ đạo Kỳ thi tốt nghiệp trung học phổ thông và tuyển sinh đại học, giáo dục nghề nghiệp năm 2021; Chỉ thị số 12/CT-TTg ngày 12/5/2021 của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường công tác tuyên truyền, định hướng hoạt động truyền thông báo chí phục vụ nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc; kịp thời chấn chỉnh và xử lý các vi phạm trong hoạt động báo chí, truyền thông; Tờ trình số 492/TTr-TTg ngày 16/04/2021 của Thủ tướng Chính phủ về Đề nghị tặng Huân chương Lao động hạng Ba cho 02 cá nhân của tỉnh; Công văn số 514/TTg-PL ngày 22/04/2021 của Thủ tướng Chính phủ về rà soát, kiến nghị sửa đổi, bổ sung các quy định của pháp luật gây vướng mắc, ách tắc, cản trở hoạt động đầu tư, kinh doanh và đời sống xã hội; Công văn số 516/TTg-KSTT ngày 22/04/2021 của Thủ tướng Chính phủ về thúc đẩy cải cách hành chính, đổi mới thực hiện cơ chế một cửa và xây dựng Chính phủ điện tử phục vụ chỉ đạo, điều hành; Công điện số 540/CĐ-TTg ngày 23/04/2021 của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường quản lý hoạt động tổ chức các chuyến bay đưa người nhập cảnh Việt Nam; Công điện số 541/CĐ-TTg ngày 23/04/2021 của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường thực hiện, phòng chống dịch bệnh Covid 19; Công văn số 569/TTg-PL ngày 30/04/2021 của Thủ tướng Chính phủ về tổng kết thi hành Luật Đất đai.

2. Ban hành các văn bản của UBND, Chủ tịch UBND tỉnh

Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành 10 Kế hoạch; 220 Quyết định cá biệt và 872 văn bản hành chính khác. Ngoài ra, Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành 09 Thông báo ý kiến chỉ đạo của Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh tại các cuộc họp, hội nghị với các sở, ngành tỉnh, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố.

II. KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC

1. Tài chính, ngân hàng

Thu ngân sách ước 1.404,4 tỷ đồng, lũy kế 5 tháng đầu năm 8.210,3 tỷ đồng, đạt 80,7% dự toán, tăng 2,2% so với cùng kỳ⁽¹⁾, trong đó: thu nội địa 2.302,1 tỷ đồng, đạt 46% dự toán, tăng 15,7% so với cùng kỳ, một số khoản thu đạt khá so với cùng kỳ như: thu xổ số kiến thiết tăng 22,4%, khu vực DN

⁽¹⁾ Nếu loại trừ thu chuyển nguồn, số dư tạm ứng, kinh phí cải cách tiền lương (3.745,106 tỷ đồng) thì tổng thu 5 tháng 4.465,193 tỷ đồng, đạt 43,9% dự toán, giảm 8,9% so với cùng kỳ.

tăng 17,8%, khu vực FDI tăng 32,7%, khu vực kinh tế ngoài quốc doanh tăng 25,7%... Chi ngân sách 588,4 tỷ đồng, lũy kế 5 tháng đầu năm chi 2.595,6 tỷ đồng, đạt 26,7% dự toán, giảm 7,9% so với cùng kỳ.

Tiếp tục triển khai các giải pháp hỗ trợ khắc phục khó khăn cho khách hàng vay vốn do ảnh hưởng bởi dịch Covid-19, đến nay các tổ chức (TCTD) đã thực hiện cơ cấu lại thời hạn trả nợ, miễn giảm lãi và giữ nguyên nhóm nợ theo Thông tư số 01/2020/TT-NHNN cho 233 khách hàng với dư nợ 38,48 tỷ đồng. Mật bằng lãi suất cho vay duy trì ở mức thấp⁽²⁾ tạo điều kiện cho người dân, doanh nghiệp tiếp cận vốn tái sản xuất, ước đến cuối tháng 5/2021, tổng vốn hoạt động của các TCTD đạt 38.000 tỷ đồng, tăng 4% so với cuối năm 2020, dư nợ cho vay đạt 30.350 tỷ đồng, tăng 4,01% so với cuối năm 2020. Các chương trình, chính sách tín dụng tiếp tục được triển khai đến khách hàng⁽³⁾; nợ xấu đến cuối tháng 5/2021 chiếm 1,41%/tổng dư nợ (cùng kỳ 1,23%).

2. Về tình hình phát triển các ngành, lĩnh vực

2.1. Sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản

a) Về nông nghiệp:

* *Cây lúa*: diện tích xuống giống 37.324 ha, lũy kế 5 tháng xuống giống 99.758 ha, đạt 51,3% kế hoạch, cao hơn cùng kỳ 22,5% (18.351 ha); thu hoạch 100% diện tích xuống giống lúa mùa và lúa đông xuân, năng suất bình quân 6,37 tấn/ha (trong đó lúa đông xuân năng suất đạt 6,41 tấn/ha, cao hơn cùng kỳ 1,53 tấn/ha). Thời tiết trong tháng thuận lợi, lượng mưa đầu mùa khá lớn, người dân tranh thủ xuống giống 37.324 ha lúa Hè Thu, nâng diện tích cả vụ đến nay đã xuống giống 38.694 ha, đạt 52,3% kế hoạch, gấp đôi so với cùng kỳ.

* Cây màu, công nghiệp ngắn ngày và cây hàng năm khác: xuống giống 3.968 ha, nâng tổng số đến nay gieo trồng 28.948 ha, đạt 56,1% kế hoạch (*cao hơn cùng kỳ 2,4%, tương đương 683ha*).

* *Chăn nuôi*: tình hình dịch bệnh trên đàn vật nuôi được kiểm soát; giá các sản phẩm chăn nuôi ổn định, có thị trường tiêu thụ thuận lợi. Công tác tiêm phòng⁽⁴⁾, kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật xuất - nhập tinh được thực hiện thường xuyên⁽⁵⁾. Kết thúc Tháng hành động vệ sinh tiêu độc khử trùng môi trường đợt 1/2021, đã tiêu độc khử trùng trên 3 triệu m² chuồng trại của 63.626 hộ, sử dụng 2.338 lít hóa chất.

* *Thủy lợi nội đồng*: trong tháng các địa phương tập trung thực hiện 286 công trình, nâng tổng số đến nay thực hiện nạo vét 612 công trình (đạt 89,9% kế

² Lãi suất cho vay ngắn hạn thuộc các lĩnh vực ưu tiên cao nhất là 4,5%/năm (riêng QTDND tối đa 5,5%/năm), phổ biến 4,5-9,0%/năm đối với trung - dài hạn; lãi suất cho vay lĩnh vực sản xuất kinh doanh thông thường ở mức 7,5-9,0%/năm đối với ngắn hạn, 9,0-11%/năm đối với trung - dài hạn. Lãi suất cho vay bằng đô la Mỹ: Đối với ngắn hạn phổ biến ở mức 3,5-4,0%/năm, đối với trung và dài hạn lãi suất phổ biến 4,2-6,5%/năm.

³ Dư nợ cho vay nông nghiệp, nông thôn đạt 17.750 tỷ đồng, chiếm 58,5%/tổng dư nợ; cho vay xuất khẩu đạt 425 tỷ đồng; cho vay DNNVV đạt 2.450 tỷ đồng; cho vay các chương trình tín dụng chính sách 2.920 tỷ đồng...

⁴ Trong tháng: thực hiện tiêm phòng LMLM cho 9,6 ngàn con gia súc; tiêm phòng Cúm gia cầm 172,7 ngàn con; tiêm phòng Đại chó 2.439 liều; tiêm phòng heo tai xanh 1,05 ngàn liều; tiêm phòng các loại bệnh thông thường khác trên đàn gia súc 57,6 ngàn liều và các loại bệnh thông thường khác trên đàn gia cầm 342,5 ngàn liều.

⁵ Kiểm dịch xuất, nhập tinh 18.371 con heo; 2.095 con trâu, bò; 149.762 con gia cầm; 73,9 tấn sản phẩm động vật.

hoạch); thường xuyên theo dõi, kiểm tra độ mặn, vận hành các cống đầu mối cấp nước vào vùng nội đồng phục vụ sản xuất, hiện mực nước trong nội đồng dao động từ 0,48 m - 0,7 m đảm bảo phục vụ cho tốt sản xuất nông nghiệp.

* *Xây dựng nông thôn mới⁽⁶⁾*: công tác tuyên truyền về xây dựng nông thôn mới tiếp tục được quan tâm, tuyên truyền được 640 cuộc cho 10.240 lượt người dự, công nhận 1.511 hộ, 06 áp đặt chuẩn gia đình văn hóa, nông thôn mới; thẩm định các tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao 02 xã An Trường và Nhị Long Phú.

b) Lâm nghiệp:

Tổ chức 110 lượt tuần tra bảo vệ rừng, phát hiện, xử lý 02 trường hợp vi phạm; triển khai kế hoạch vệ sinh phòng cháy rừng năm 2021, đến nay đã vệ sinh 254,3 ha rừng phi lao. Khảo sát, lập khu bảo vệ cảnh quan Cồn Nặng xã Mỹ Long Nam, huyện Cầu Ngang.

c) Thủy sản:

Tổng diện tích nuôi thủy sản 6.469 ha, lũy kế 5 tháng thả nuôi 34.488 ha, đạt 59,9% kế hoạch, thấp hơn cùng kỳ 5,9% (2.161 ha). Tuy nhiên, do vào đầu vụ, môi trường nước ao nuôi chưa ổn định, nhiệt độ giữa ngày và đêm chênh lệch lớn làm thiệt hại 105 triệu con tôm sú (*chiếm 10,9% lượng con giống thả nuôi, diện tích 539 ha*) và 318,5 triệu con tôm thẻ chân trắng (*chiếm 11,3% lượng con giống thả nuôi, diện tích 388 ha*), chủ yếu là do bệnh đốm trắng, hoại tử gan tụy và vi bào tử trùng.

Tổng sản lượng thủy - hải sản 21.400 tấn, lũy kế 5 tháng 79.887 tấn, đạt 33,6% kế hoạch, cao hơn cùng kỳ 10,8%, trong đó: nuôi thủy sản phát triển khá cả vùng 03 vùng ngọt, mặn, lợ; sản lượng nuôi 48.034 tấn, tăng 30,3% so với cùng kỳ⁽⁷⁾ (*các con nuôi cho sản lượng cao như tôm thẻ chân trắng 16.453 tấn, tăng 35,7%; tôm sú 4.067 tấn, tăng 40,1%, cá lóc 17.980 tấn, tăng 17,3% so với cùng kỳ*); sản lượng khai thác 31.853 tấn, thấp hơn cùng kỳ 1,6%⁽⁸⁾.

2.2. Về sản xuất công nghiệp

Giá trị sản xuất công nghiệp ước 3.229,5 tỷ đồng, lũy kế 5 tháng 15.482,4 tỷ đồng, đạt 34,3% kế hoạch, tăng 3,7% so cùng kỳ. Sản xuất công nghiệp tiếp tục phục hồi và tăng trưởng, trong đó: (i) Công nghiệp chế biến, chế tạo tăng 11,4%, các sản phẩm công nghiệp chế biến, chế tạo tăng so với cùng kỳ như: thuốc viên các loại tăng 51%, thảm dệt các loại tăng 24,4%, túi xách các loại tăng 60,7%, than hoạt tính tăng 22,3%, bộ truyền dẫn điện dùng trong ô tô tăng 13,3%, may mặc tăng 3,8%...; (ii) Khai khoáng tăng 3,5%; (iii) Cung cấp nước, hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải tăng 0,9%; riêng sản xuất và phân phối điện giảm 1,2%, nguyên nhân do điều tiết giảm công suất phát từ các nguồn điện lên lưới điện quốc gia.

⁶ Toàn tỉnh hiện có 05 đơn vị cấp huyện⁽⁶⁾, 69 xã, 91,7% hộ và 92,9% áp đặt chuẩn nông thôn mới; có 08 xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao và 02 áp đặt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu.

⁷ Nuôi nước mặn, lợ tăng 37,5% (tăng 6.342 tấn, trong đó tôm thẻ chân trắng chiếm 68%); nuôi nước ngọt tăng 8,5% (tăng 1.943 tấn).

⁸ Trong đó: Khai thác biển giảm 0,8% (giảm 240 tấn); khai thác nội địa giảm 8% (giảm 274 tấn).

Phát triển điện: đầu năm đến nay đầu tư mới 12,93 km đường dây trung thế, 08 km đường dây hạ thế, 125 trạm biến áp, 1.014 hộ sử dụng điện, tỷ lệ hộ sử dụng điện đạt 99,18%.

2.3. Thương mại - dịch vụ

Thực hiện tốt công tác quản lý chợ, siêu thị, trung tâm thương mại, chủ động có kế hoạch dự trữ, cung ứng các hàng hóa thiết yếu trước tình hình dịch bệnh Covid-19. Qua kiểm tra, khảo sát tại các siêu thị, cửa hàng ... nguồn hàng hóa phục vụ người dân khá dồi dào, đa dạng, giá cả ổn định, không xảy ra khan hàng, tăng giá. Sức mua, tiêu dùng của người dân tăng khá, tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng 3.606,8 tỷ đồng, lũy kế 5 tháng 18.274,5 tỷ đồng, tăng 20,7%, trong đó: bán lẻ hàng hóa tăng 17,9%; lưu trú, ăn uống tăng 35%; du lịch tăng 23,5%; dịch vụ khác tăng 19,6%.

2.4. Công tác xúc tiến đầu tư, xúc tiến thương mại, hỗ trợ, phát triển doanh nghiệp, kinh tế tập thể, hợp tác xã

Nhiệm thu 03 Đề án khuyến công⁽⁹⁾ về hỗ trợ ứng dụng máy móc, thiết bị trong sản xuất, chế biến, với kinh phí đầu tư 885,5 triệu đồng. Công tác hỗ trợ, phát triển thương mại điện tử được quan tâm thực hiện tốt⁽¹⁰⁾.

Trong tháng, tiếp và làm việc với 10 lượt nhà đầu tư trong nước đến tìm hiểu đầu tư thuộc lĩnh vực: điện gió, khu công nghiệp, nhà ở thương mại, du lịch, khách sạn cao cấp, nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản công nghệ cao... Cấp mới quyết định chủ trương đầu tư cho 03 dự án trong nước, vốn đăng ký đầu tư 27,28 tỷ đồng⁽¹¹⁾, lũy kế 5 tháng cấp mới quyết định chủ trương đầu tư 13 dự án đầu tư trong nước, tổng vốn 10.282,93 tỷ đồng, giảm 03 dự án so với cùng kỳ nhưng số vốn tăng 9.924,94 tỷ đồng⁽¹²⁾.

⁹ (1) "Hỗ trợ ứng dụng máy hút chân không trong sản xuất hủ tiếu" tại Hộ kinh doanh Thái Trường Bình; (2) "Hỗ trợ ứng dụng máy tiện CNC trong sản xuất gỗ mỹ nghệ" tại Hộ kinh doanh Long Phát và (3) "Hỗ trợ ứng dụng ứng dụng máy móc thiết bị tiên tiến trong sản xuất gỗ mỹ nghệ" tại Hộ kinh doanh Trần Thị Cầm Vân.

¹⁰ Tổ chức 02 cuộc hội nghị, tập huấn kết nối tiêu thụ hàng hóa giữa sàn TMĐT voso.vn với các cơ sở, doanh nghiệp, HTX (DN) trong tỉnh, có 52 lượt người của 25 DN tham dự và sau tập huấn có 18 DN đã mở gian hàng sàn để giao dịch; thực hiện hỗ trợ doanh nghiệp vận hành hiệu quả 10 website; đăng ký 03 Đề án Thương mại điện tử năm 2022 với Cục Thương mại điện tử và Kinh tế số...

¹¹ Dự án Nhà máy sản xuất gạch không nung - gạch via hè Ba Vũ của Cty TNHH VLXD Ba Vũ, vốn đầu tư 14,9 tỷ đồng; Dự án Xưởng lắp ráp đồ điện gia dụng và sản xuất chậu trồng cây từ nguyên liệu vải không dệt của Cty TNHH MTV Tyler Thanh Võ, vốn đầu tư 10 tỷ đồng; Thi công khoan giếng, ống công nghệ + trạm bơm giếng, hàng rào, nhà trực, đường nội bộ và san lấp nền giếng 16 của Cty CP Cấp thoát nước TV, vốn đầu tư 2,38 tỷ đồng.

¹² Cùng kỳ cấp mới 16 dự án đầu tư trong nước, tổng vốn đầu tư 357,99 tỷ đồng. Đến nay, toàn tỉnh có 382 dự án đang đầu tư, kinh doanh, trong đó có 41 dự án đầu tư nước ngoài với tổng vốn đăng ký 3,1 tỷ USD và 341 dự án đầu tư trong nước với tổng vốn đăng ký 121.855,96 tỷ đồng. Trong 382 dự án, có:

+ 292 dự án đang hoạt động sản xuất kinh doanh và cung cấp dịch vụ (gồm 34 dự án đầu tư nước ngoài với vốn đăng ký 294,17 triệu USD và 258 dự án đầu tư trong nước với vốn đăng ký 88.713,56 tỷ đồng).

+ 44 dự án đang triển khai (gồm 07 dự án đầu tư nước ngoài với vốn đăng ký 2.811,89 triệu USD và 37 dự án đầu tư trong nước với tổng vốn đăng ký 16.777,70 tỷ đồng).

+ 39 dự án đang thực hiện thủ tục pháp lý với tổng vốn đăng ký 15.784,25 tỷ đồng.

+ 07 dự án đang thực hiện thủ tục chấm dứt dự án với tổng vốn đăng ký 580,45 tỷ đồng.

Phát triển mới 30 doanh nghiệp⁽¹³⁾, tính đến 14/5/2021: phát triển mới 172 doanh nghiệp (*đạt 34,4% kế hoạch*), tổng vốn đăng ký 4.209,51 tỷ đồng, vốn bình quân 24,47 tỷ đồng/doanh nghiệp, so với cùng kỳ số doanh nghiệp phát triển mới tăng 24 doanh nghiệp và vốn đăng ký gấp 2,4 lần, thành phố Trà Vinh có số doanh nghiệp phát triển mới cao nhất (46 doanh nghiệp)⁽¹⁴⁾; đăng ký giao dịch qua mạng trong tháng 49,7%, lũy kế 5 tháng đạt 45%. Trong tháng, giải thể 08 doanh nghiệp, tạm ngừng hoạt động 02 doanh nghiệp, lũy kế 5 tháng giải thể 44 doanh nghiệp (*cao hơn cùng kỳ 10 doanh nghiệp*), tạm ngừng 49 doanh nghiệp (*cao hơn cùng 07 doanh nghiệp*).

Thực hiện tốt công tác hỗ trợ, tư vấn về quy trình, thủ tục thành lập HTX cho các sáng lập viên; tổ chức 06 cuộc thông tin, tuyên truyền về Luật Hợp tác xã năm 2012 và chính sách phát triển HTX tại 06 xã trên địa bàn huyện Cầu Ngang, với 228 lượt người dự⁽¹⁵⁾. Tính từ đầu năm đến nay thành lập mới 07 HTX và 01 Liên hiệp HTX, đạt 40% kế hoạch⁽¹⁶⁾.

2.5. Đầu tư xây dựng cơ bản, công tác quy hoạch

Tổng kế hoạch vốn năm 2021 là 4.041,836 tỷ đồng, giải ngân đến ngày 18/5/2021 là 645,743 tỷ đồng⁽¹⁷⁾, đạt 16% kế hoạch⁽¹⁸⁾ (*cùng kỳ giải ngân 15% kế hoạch*).

Theo dõi, đôn đốc và hỗ trợ đơn vị tuân⁽¹⁹⁾ khảo sát, thu thập dữ liệu, số liệu, hoàn thành dự thảo báo cáo đánh giá thực trạng các hợp phần Quy hoạch tỉnh Trà Vinh thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050; tiếp tục thực hiện các quy hoạch xây dựng vùng huyện của 04 huyện: Châu Thành, Cầu Ngang, Trà Cú và Duyên Hải, quy hoạch 01 xã nông thôn mới (xã Ngãi Xuyên, huyện Trà Cú)⁽²⁰⁾.

3. Giáo dục đào tạo, khoa học và công nghệ

3.1. Giáo dục và đào tạo

Tổ chức kiểm tra cuối học kỳ II và kết thúc năm học 2020 - 2021; tổ chức ôn tập, chuẩn bị kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2021; thành lập Hội đồng và các Ban thi kỳ thi tuyển sinh vào lớp 10 năm học 2021 - 2022; tổ chức Kỳ thi chọn học sinh giỏi lớp 11 cấp tỉnh⁽²¹⁾; thi công nhận trình độ cấp tiểu học và Trung

¹³ Đến nay có 3.056 doanh nghiệp, vốn 43.205,51 tỷ đồng, 101.339 lao động (trong đó có 44 doanh nghiệp FDI).

¹⁴ Trong 172 DN phát triển mới: Thành phố Trà Vinh: 46DN, huyện Châu Thành: 29DN, thị xã Duyên Hải: 19DN, huyện Cầu Kè: 17DN, huyện Càng Long: 16DN, huyện Tiêu Cần: 16DN, huyện Trà Cú: 12DN, huyện Cầu Ngang: 12DN, huyện Duyên Hải: 05DN.

¹⁵ Đầu năm đến nay tổ chức 13/25 cuộc (đạt 52% kế hoạch), 689 lượt người dự.

¹⁶ Toàn tỉnh hiện có 01 Liên hiệp HTX và 170 HTX (trong đó có 122 HTX nông nghiệp; 32 HTX phi nông nghiệp; 16 Quỹ TDND), tổng vốn điều lệ 165.843 tỷ đồng, 28.877 thành viên.

¹⁷ Trong đó: Ngân sách tinh quản lý: Giải ngân 503.266/3.255,133 tỷ đồng, đạt 15,5% kế hoạch; Ngân sách huyện quản lý: Giải ngân 142.478/786.703 tỷ đồng, đạt 18,1% kế hoạch.

¹⁸ Nếu trừ đi phần vốn Bộ Kế hoạch và Đầu tư yêu cầu tạm ngưng thanh toán của 18 dự án khởi công mới là 474.350 tỷ đồng của phần giao chính thức đầu năm thì giải ngân đạt 18,1% kế hoạch

¹⁹ Liên danh Trường Đại học kinh tế quốc dân – Viện Quy hoạch và thiết kế nông nghiệp – Viện Quy hoạch thủy lợi Miền Nam – Công ty Cổ phần tư vấn thiết kế xây dựng thương mại và dịch vụ Đại Nam.

²⁰ Đến nay có 03/07 quy hoạch vùng huyện, 84/85 quy hoạch chung xây dựng xã nông thôn mới được phê duyệt.

²¹ Tại 06 điểm thi: trường THPT Nguyễn Đáng, THPT Tiểu Cần, THPT Dương Quang Đông, THPT Duyên Hải, THPT Trà Cú, THPT Phạm Thái Bường, với 1.335 thí sinh dự thi.

học cơ sở môn tiếng Khmer đợt 2⁽²²⁾; Hội thi giáo viên dạy giỏi tiểu học cấp tỉnh có 145 giáo viên dự thi; chấm phúc khảo bài thi kỳ thi tuyển chọn học sinh giỏi lớp 9 cấp tỉnh⁽²³⁾.

3.2. Khoa học và công nghệ

Tuyển chọn tổ chức và cá nhân thực hiện 03 nhiệm vụ khoa học cấp tỉnh⁽²⁴⁾; kiểm tra, đánh giá tình hình thực hiện và sử dụng kinh phí 02 đề tài, dự án⁽²⁵⁾; xây dựng kế hoạch tổ chức 02 lớp tập huấn⁽²⁶⁾ và chuẩn bị tổ chức cuộc thi khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo năm 2021; kế hoạch triển khai thực hiện “Chương trình nâng cao năng suất chất lượng sản phẩm, hàng hóa chủ lực tỉnh giai đoạn 2021-2025”; kiểm định 6.389 phương tiện đo các loại⁽²⁷⁾.

4. Bảo trợ xã hội, phúc lợi xã hội và các lĩnh vực xã hội khác

4.1. Đào tạo nghề và giải quyết việc làm

Tư vấn việc làm cho 1.602 lao động⁽²⁸⁾, giải quyết việc làm mới 3.025 lao động, đưa 10 lao động đi làm việc ở nước ngoài; nâng tổng số 5 tháng giải quyết việc làm 13.210 lao động (đạt 57,4% kế hoạch), đưa 242 lao động đi làm việc ở nước ngoài (đạt 26,8% hoạch); trợ cấp bảo hiểm thất nghiệp cho 536 lao động, với số tiền chi trả 9,2 tỷ đồng⁽²⁹⁾. Kiểm tra 20 doanh nghiệp sử dụng thiết bị có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn, vệ sinh lao động nhân tháng hành động về an toàn vệ sinh lao động năm 2021.

Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện tham gia đào tạo nghề dưới 03 tháng cho Trung tâm Nghiên cứu Thích ứng Biến đổi khí hậu và Hỗ trợ Phát triển Cộng đồng gồm 06 nghề trong lĩnh vực nông nghiệp. Các cơ sở giáo dục nghề nghiệp thực hiện tuyển sinh và đào tạo nghề cho 5.066 người, đạt 25,3% kế hoạch.

4.2. Thực hiện chính sách ưu đãi người có công

Tổ chức thăm và tặng quà cho 147 gia đình chính sách nhân dịp 30/4, với kinh phí 147 triệu đồng. Trong tháng, giải quyết chế độ thờ cúng liệt sĩ 26 trường hợp, chế độ bảo hiểm y tế 40 trường hợp và chế độ mai táng phí cho 22 trường hợp theo Quyết định 290, 62, 49 của Thủ tướng Chính phủ; giám định chất độc hóa học cho 01 trường hợp.

4.3. Bảo trợ xã hội và giảm nghèo

Trong đó: Ngữ Văn: 180 thí sinh; Sử: 171 thí sinh; Địa: 163 thí sinh; Tiếng Anh: 174 thí sinh; Toán: 133 thí sinh; Vật lý: 135 thí sinh; Hóa: 117 thí sinh; Sinh: 158 thí sinh; Tin học: 104 thí sinh.

²² Tại 13 điểm coi thi với 1.721 thí sinh đăng ký dự thi (cấp tiểu học có 1.602 thí sinh và THCS có 119 thí sinh).

²³ Có 09 bài thi. Kết quả có 01 bài thi môn Hóa học được tăng điểm.

²⁴ Tính đến tháng 5/2021, đã tuyển chọn 14 đề tài thuộc Danh mục các nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp tỉnh năm 2021.

²⁵ Tính đến tháng 5/2021, đã kiểm tra tổng số 08 đề tài, dự án.

²⁶ Gồm: “Chính sách và giải pháp bảo hộ tài sản trí tuệ cho các dự án/ý tưởng khởi nghiệp đổi mới sáng tạo” và “Hỗ trợ xây dựng kế hoạch kinh doanh và hoàn thiện công nghệ cho các dự án/ý tưởng khởi nghiệp”.

²⁷ Đến tháng 5/2021, đã kiểm định 22.814 phương tiện đo.

²⁸ Nâng tổng số lao động được tư vấn việc làm từ đầu năm đến nay 16.422 lao động.

²⁹ Nâng tổng số đối tượng được hưởng bảo hiểm thất nghiệp từ đầu năm đến nay là 8.079 đối tượng, với tổng số tiền chi trả 142,4 tỷ đồng.

Ban hành Kế hoạch thực hiện Chương trình trợ giúp xã hội và phục hồi chức năng cho người tâm thần, trẻ em tự kỷ và người rối nhiễu tâm trí dựa vào cộng đồng giai đoạn 2021 - 2030 trên địa bàn tỉnh. Trung tâm Bảo trợ xã hội chăm sóc, nuôi dưỡng 160 đối tượng⁽³⁰⁾. Vận động các nhà hảo tâm, các tổ chức từ thiện trong và ngoài tỉnh hỗ trợ thông qua các chương trình phẫu thuật tim, địa chỉ nhân đạo, về nhà ở, nước sạch, giao thông nông thôn... với số tiền hơn 2,7 tỷ đồng.

4.4. Công tác dân tộc, tôn giáo, thực hiện bình đẳng giới và bảo vệ, chăm sóc trẻ em

Tổng kết 10 năm thực hiện chính sách người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2011 – 2021; tổ chức thăm 08 người có uy tín trong đồng bào dân tộc ôm đau; cấp phát 18.863 ấn phẩm báo, tạp chí cho vùng dân tộc thiểu số, vùng đặc biệt khó khăn theo Quyết định số 45/QĐ-TTg; hoàn thành và đưa vào sử dụng 05 công trình từ nguồn vốn viện trợ của Chính phủ AiLen⁽³¹⁾; triển khai xây dựng công trình hỏa táng cho đồng bào dân tộc Khmer tại huyện Tiểu Cần. Chỉ đạo tăng cường các biện pháp phòng, chống đuối nước, xâm hại trẻ em; tổ chức 14 lớp tập huấn tuyên truyền phổ biến, giáo dục Luật trẻ em tại các trường trung học cơ sở.

4.5. Công tác phòng chống dịch Covid-19

Tiếp và làm việc với Thủ tướng Chính phủ Phạm Minh Chính đến làm việc với tỉnh và thăm điểm cách ly tập trung phòng chống Covid-19 tại Trung đoàn 926 (Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh). Triển khai tiêm vắc xin phòng Covid-19 (02 đợt, mũi 1) từ ngày 27/4 đến ngày 14/5/2021 trên địa bàn tỉnh, có 9.220/10.541 đối tượng (đạt 87,5%). Trong tháng, thực hiện kiểm dịch y tế quốc tế được 20 tàu nhập cảnh (333 thuyền viên), 12 tàu xuất cảnh (249 thuyền viên) và 01 tàu quá cảnh (18 thuyền viên). Tính đến ngày 18/5/2021, tổng số trường hợp đã thực hiện cách ly trên địa bàn tỉnh 3.163 trường hợp⁽³²⁾.

Về điều trị người bị nhiễm SARS-CoV-2: đã điều trị cho 08 bệnh nhân nhiễm SARS-CoV-2⁽³³⁾ nhập cảnh từ nước ngoài về Việt Nam, được cách ly và điều trị tại Bệnh viện Dã chiến số 01⁽³⁴⁾.

4.6. Chăm sóc sức khỏe nhân dân

Trong tháng, khám bệnh, chữa bệnh 141.519 lượt bệnh nhân⁽³⁵⁾; phát hiện và xử lý 12 ổ dịch sốt xuất huyết⁽³⁶⁾; bệnh tay chân miệng tăng 32 ca, bệnh sốt

³⁰ Trong đó 30 người cao tuổi; 103 người thâm kinh tâm thần đặc biệt nặng; 11 người khuyết tật; 16 trẻ em mồ côi.

³¹ Nâng 05 tháng, thăm, viếng 21 người có uy tín và người thân; Cấp phát 64.290 ấn phẩm báo, tạp chí cho người thụ hưởng theo Quyết định số 45/QĐ-TTg; xây dựng 09 công trình vốn viện trợ của Chính phủ AiLen (05 công trình hoàn thành đưa vào sử dụng).

³² Trong đó: cách ly tại cơ sở y tế 31 trường hợp, cách ly tập trung 2.463 trường hợp và cách ly tại nhà, nơi cư trú 669 trường hợp; hoàn thành: cách ly tại cơ sở y tế 31 trường hợp, cách ly tập trung 2.458 trường hợp và cách ly y tế tại nhà, nơi cư trú 634 trường hợp. Hiện tại, toàn tỉnh còn cách ly tập trung 05 trường hợp và cách ly tại nhà, nơi cư trú 35 trường hợp.

³³ Trong đó: tỉnh An Giang (03 người), TP.HCM (02 người), tỉnh Nghệ An (01 người), huyện Châu Thành tỉnh Trà Vinh (01 người) và tỉnh Hải Phòng (01 người).

³⁴ Bệnh viện Lao và bệnh Phổi tỉnh Trà Vinh.

xuất huyết tăng 03 ca, sốt phát ban nghi sởi 02 ca⁽³⁷⁾; số trẻ dưới 5 tuổi thoát khỏi suy dinh dưỡng 167 trẻ⁽³⁸⁾. Số người nhiễm HIV mới được phát hiện 20 người, đến nay phát hiện 2.474 người nhiễm HIV, 1.672 người chuyển sang bệnh AIDS, 1.050 người tử vong vì HIV/AIDS. Triển khai Tháng hành động vì an toàn thực phẩm năm 2021; báo cáo tổng kết 10 năm thực hiện Chỉ thị số 08-CT/TW ngày 21/10/2011 của Ban Bí thư (khóa XI) về “*Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với vấn đề an toàn thực phẩm trong tình hình mới*”.

4.7. Văn hóa, thể thao và du lịch

Tổ chức các hoạt động văn nghệ, triển lãm kỷ niệm Ngày giải phóng miền Nam thống nhất đất nước (30/4), ngày Quốc tế Lao động (1/5); mit tinh kỷ niệm 131 năm Ngày sinh Chủ tịch Hồ Chí Minh (19/5/1890-19/5/2021) gắn với chào mừng bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021 - 2026. Công tác xây dựng đời sống văn hóa cơ sở và phát huy giá trị di sản văn hóa tiếp tục được triển khai thực hiện tốt⁽³⁹⁾. Chỉ đạo cấp huyện tiếp tục tổ chức Đại hội thể dục, thể thao cấp xã, phường⁽⁴⁰⁾; các đội tuyển tham gia các giải vô địch quốc gia đạt 24 huy chương các loại. Tổ chức 10 cuộc thanh tra trên các lĩnh vực văn hóa, kinh doanh dịch vụ văn hóa, quảng cáo, “*Game bắn cá*” tại 64 cơ sở trên địa bàn tỉnh.

Thực hiện đoạn phim giới thiệu du lịch Trà Vinh; tổ chức 03 lớp tập huấn về chiến lược khai thác và phát triển du lịch, an toàn trong hoạt động du lịch. Trong tháng, tổng lượt khách tham quan du lịch và lưu trú 23.250 lượt người (trong đó có 1.290 lượt khách quốc tế), tăng 3,14% so tháng trước);; doanh thu 22,6 tỷ đồng (tăng 62,7%); công suất phòng bình quân đạt 43,5% (tăng 1,94%)⁽⁴¹⁾.

5. Tài nguyên và môi trường

Hoàn thiện Quyết định sửa đổi, bổ sung một số điều của quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh. Lấy ý kiến đối với quy định điều kiện tách thửa đất, hợp thửa đất và diện tích tối thiểu được tách thửa; Đề án sửa đổi, bổ sung Khoản 3, Điều 1 và Điều 3 Nghị quyết số 05/2020/NQ-HĐND ngày 17/7/2020 của HĐND tỉnh quy định các loại phí thuộc lĩnh vực tài nguyên môi trường; quy định về mức độ khôi phục lại hiện trạng ban đầu của đất đối với từng loại vi phạm quy định tại Nghị định số 91/2019/NĐ-CP ngày 19/11/2019 của Chính phủ trên địa bàn tỉnh; Quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021 - 2030 của 07/09 đơn vị cấp huyện. Thành lập Tổ kiểm

³⁵ Nâng 05 tháng khám và điều trị 757.978 bệnh nhân, đạt 40,8% so với kế hoạch.

³⁶ Nâng 05 tháng phát hiện và xử lý 30 ổ dịch sốt xuất huyết (giảm 17% so với cùng kỳ năm 2020).

³⁸

³⁷ Nâng 05 tháng, bệnh tay chân miệng tăng 294 ca, sốt xuất huyết tăng 224 ca, sốt phát ban nghi sởi 04 ca giảm 78,9% so cùng kỳ.

³⁸ Nâng 5 tháng, số trẻ dưới 5 tuổi thoát khỏi suy dinh dưỡng 667 trẻ, đạt 33,4% kế hoạch.

³⁹ Ban Chỉ đạo Các chương trình mục tiêu quốc gia và phong trào “*Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa*” cấp tinh kiêm tra tiêu chí số 06 và 16 tại các xã xây dựng nông thôn mới. Ban Chỉ đạo cấp huyện tiến hành kiêm tra công nhận lại ấp, khóm văn hóa. Thực hiện chỉnh trang các khu di tích phục vụ khách tham quan,...

⁴⁰ Đến nay, có 03 huyện Cầu Kè, Tiểu Cần, Trà Cú đã tổ chức xong.

⁴¹ Nâng 05 tháng doanh thu đạt 79 tỷ đồng; lượt khách lưu trú đạt 113.633 lượt.

tra hồ sơ sản phẩm Kế hoạch sử dụng đất 05 năm thời kỳ (2021 - 2025) của tỉnh; cấp mới 14 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, nâng tổng số đã cấp 625.640 giấy, đạt 99,34% diện tích cần cấp giấy. Hoàn thiện dự thảo báo cáo tổng kết thi hành Luật Đất đai năm 2013 trên địa bàn tỉnh.

6. Thông tin và truyền thông

Xây dựng Kế hoạch thực hiện Chương trình nâng cao chỉ số sẵn sàng cho phát triển và ứng dụng công nghệ thông tin - truyền thông tỉnh Trà Vinh giai đoạn 2021 - 2025; phương án điều tra và thành lập Tổ điều tra sản lượng và giá cước bình quân đối với dịch vụ bưu chính công ích và dịch vụ công ích trong hoạt động phát hành báo chí năm 2021 trên địa bàn tỉnh. Cấp 19 giấy phép xuất bản tài liệu không kinh doanh; cấp mới 10 chứng thư số, 02 hộp thư điện tử công vụ. Kiểm tra, rà soát, cập nhật, nâng cấp lên phiên bản mới cho máy chủ và thiết bị bảo mật. Chỉ đạo định hướng các cơ quan báo, đài, Trung tâm Văn hóa - Thông tin và Thể thao cấp huyện tập trung tuyên truyền về cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV và đại biểu HĐND các cấp nhiệm kỳ 2021 - 2026; công tác phòng, chống dịch COVID-19 và các thông tin về tình hình kinh tế, chính trị của tỉnh.

7. Cải cách hành chính, thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo và phòng chống tham nhũng

Ban hành Kế hoạch hoạt động của Ban Chỉ đạo cải cách hành chính và nâng cao năng lực cạnh tranh tỉnh năm 2021; sơ kết thực hiện Nghị quyết số 39-NQ/TW ngày 17/4/2015 của Bộ Chính trị “về tinh giản biên chế và cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức”. Kiểm tra, duyệt phiếu kê khai Điều tra cơ sở hành chính năm 2020 tại các cơ quan, đơn vị hành chính trên địa bàn tỉnh; chỉ đạo kê khai phiếu điều tra cơ sở hành chính năm 2021.

Tổ chức Hội nghị tổng kết chiến lược quốc gia phòng, chống tham nhũng đến năm 2020 và Kế hoạch thực hiện Công ước Liên hiệp quốc về chống tham nhũng. Thanh tra, kiểm tra chuyên ngành 132 cuộc đối với 08 tổ chức và 186 cá nhân (*riêng lĩnh vực giao thông vận tải thực hiện 113 cuộc kiểm tra tại 06 tổ chức và 56 cá nhân*)⁽⁴²⁾. Công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo: tiếp 466 lượt người đến khiếu nại, tố cáo; nhận 208 đơn (có 135 đơn thuộc thẩm quyền); giải quyết 72/135 đơn, đạt 53,3%⁽⁴³⁾.

8. Công tác bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021 - 2026

Tích cực chuẩn bị, tổ chức tốt cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021 – 2026⁽⁴⁴⁾; Công bố danh sách chính thức những người ứng cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng

⁽⁴²⁾ Phát hiện và xử lý 68 trường hợp vi phạm ở lĩnh vực nông nghiệp và giao thông vận tải; xử phạt vi phạm hành chính 322 triệu đồng

⁽⁴³⁾ Giải quyết đơn phản ánh kiến nghị đạt 36%, đơn yêu cầu đạt 62%; đơn tranh chấp đất đai đạt 44,8%.

⁽⁴⁴⁾ Ủy ban Bầu cử tỉnh đã thành lập 02 Ban bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV và 14 Ban bầu cử đại biểu HĐND tỉnh nhiệm kỳ 2021 - 2026; cấp huyện 91 Ban bầu cử và cấp xã 815 Ban bầu cử.

nhân dân các cấp⁽⁴⁵⁾; Tổ chức Hội nghị gặp gỡ, tiếp xúc giữa cử tri với những người ứng cử đại biểu Quốc hội khóa XV và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021 - 2026 từ ngày 04/5/2021 đến ngày 19/5/2021⁽⁴⁶⁾. UBND cấp huyện đã phê chuẩn 1.021 khu vực bỏ phiếu của 815 Ban bầu cử xã, phường, thị trấn. Tính đến ngày 12/5/2021, tổng số cử tri trong toàn tỉnh 793.508 cử tri, trong đó cử tri nữ 398.243 người.

Kết quả bầu cử: toàn tỉnh có 798.001/798.252 cử tri tham gia bầu cử, đạt tỷ lệ 99,97%. Số lượng người trúng cử đại biểu Quốc hội khóa XV có 6/6 đại biểu được án định (trong đó có 01 người trúng cử do Trung ương giới thiệu); số lượng người trúng cử đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh có 49/50 đại biểu được án định.

9. Về quốc phòng, an ninh

Duy trì tốt công tác sẵn sàng chiến đấu, chủ động nắm tình hình, bảo vệ an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn, đặc biệt các ngày lễ Kỷ niệm 46 năm Ngày giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước (30/4/1975 – 30/4/2021), 135 năm Ngày quốc tế lao động (01/5/1886 – 01/5/2021); bảo vệ an toàn tuyệt đối công tác bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021 – 2026. Triển khai ý định diễn tập khu vực phòng thủ thành phố Trà Vinh và huyện Trà Cú năm 2021; xây dựng kế hoạch huấn luyện, chiến đấu giai đoạn 2. Thực hiện Dự án sản xuất, cấp, quản lý Căn cước công dân đến nay đạt 65% chỉ tiêu Bộ Công an giao.

- Phát hiện 03 vụ vi phạm pháp luật về quản lý kinh tế; khởi tố 01 vụ vận chuyển hàng cấm (*huyện Trà Cú*). Kiểm tra, phát hiện 66 trường hợp vi phạm quy định về môi trường; kiểm tra, xử lý vi phạm pháp luật liên quan đến khai thác khoáng sản 17 trường hợp; khởi tố 01 vụ, 01 bị can vi phạm quy định về khai thác tài nguyên trên địa bàn thành phố Trà Vinh.

- Xảy ra 25 vụ phạm tội về trật tự xã hội, từ đầu năm đến nay xảy ra 103 vụ (*tăng 12 vụ so với cùng kỳ*), đã điều tra làm rõ 98 vụ (đạt tỷ lệ 95%), bắt xử lý 166 đối tượng.

- Phát hiện, triệt xóa 43 vụ tệ nạn xã hội, từ đầu năm đến nay, đã triệt xóa 412 vụ, bắt xử lý 2.218 đối tượng (*nhiều hơn cùng kỳ 145 vụ*). Kiểm tra, phát hiện 08 vụ phạm tội về ma túy, từ đầu năm đến nay, phát hiện, bắt giữ 54 vụ (*nhiều hơn so với cùng kỳ 15 vụ*), xử lý 95 đối tượng, thu giữ 338,375 gam ma túy tổng hợp và 2,121 gam heroin. Triệt xóa 02 tụ điểm có nhiều đối tượng tham gia sử dụng trái phép chất ma túy (*Tp. Trà Vinh, huyện Cầu Kè*); phát hiện 01 điểm

⁴⁵ Số người ứng cử đại biểu Quốc hội khóa XV đơn vị tỉnh Trà Vinh (có 02 đơn vị bầu cử) là 10 người, số đại biểu được bầu là 06 đại biểu; số người ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh khóa X, nhiệm kỳ 2021 - 2026 theo từng đơn vị bầu cử theo quy định (có 14 đơn vị bầu cử) là 83 người, số đại biểu được bầu là 50 đại biểu; số người ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân cấp huyện là 482 người, số đại biểu Hội đồng nhân dân cấp huyện được bầu là 288 đại biểu; số người ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân cấp xã là 4.573 người, số đại biểu Hội đồng nhân dân cấp xã được bầu là 2.734 đại biểu.

⁴⁶ Từ ngày 04/5/2021 đến ngày 13/5/2021, cấp tỉnh đã tổ chức 58/94 cuộc tiếp xúc, gặp gỡ cử tri của người ứng cử, với tổng số cử tri tham dự là 9.864 lượt cử tri; có hơn 278 ý kiến, kiến nghị của cử tri liên quan đến nhiều lĩnh vực; cấp huyện đã tổ chức 242 cuộc và cấp xã 327 cuộc.

trồng 35 cây cần sa (*huyện Cầu Kè*)⁽⁴⁷⁾. Kiểm tra 240 lượt cơ sở kinh doanh trò chơi điện tử “game bắn cá”; xác minh 06 lượt đối tượng nghi vấn cho vay nặng lãi (*huyện Cầu Ngang*). Tổ chức thu gom, tiêu hủy 56 tờ rơi quảng cáo có liên quan đến hoạt động “tín dụng đen” (Tp. Trà Vinh).

- Xảy ra 04 vụ tai nạn giao thông, từ đầu năm đến nay xảy ra 20 vụ, làm 21 người chết, 05 người bị thương (*giảm 03 vụ, tăng 03 người chết, giảm 07 người bị thương so với cùng kỳ*). Tuần tra 1.800 cuộc, phát hiện 2.016 trường hợp vi phạm trật tự giao thông, phạt vi phạm hành chính 1.707 trường hợp, số tiền 3,57 tỷ đồng. Kiểm tra an toàn phòng cháy chữa cháy tại 86 cơ sở và khu dân cư, phạt 12 trường hợp, số tiền 28,2 triệu đồng, yêu cầu khắc phục 49 hạn chế và thiếu sót.

* Những tồn tại, hạn chế

- Về kinh tế: giá cả một số mặt hàng nông sản như: tôm thẻ, cá tra, cá lóc, trái cây ở mức thấp trong thời gian dài; công nghiệp sản xuất và phân phối điện giảm so với cùng kỳ; tăng trưởng tín dụng, giải ngân vốn đầu tư công còn chậm; số doanh nghiệp giải thể và tạm dừng còn cao; hợp tác xã yếu kém chậm được sắp xếp, củng cố.

- Về văn hóa - xã hội: bệnh tay chân miệng và bệnh sốt xuất huyết tăng so với tháng trước; tiến độ xây dựng Bệnh viện Đa khoa tỉnh còn chậm; ý thức phòng, chống dịch bệnh Covid-19 của một số ít người dân chưa cao.

- Về quốc phòng, an ninh: tội phạm về kinh tế, ma túy, trật tự xã hội, tệ nạn xã hội chậm được kéo giảm.

III. MỘT SỐ CÔNG TÁC TRỌNG TÂM THÁNG 6/2021

Căn cứ Nghị quyết của Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân tỉnh về nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách năm 2021, trong tháng 6/2021, tập trung thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm sau:

1. Đánh giá tình hình thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, kiểm điểm công tác chỉ đạo, điều hành 06 tháng đầu năm và nhiệm vụ, giải pháp 06 tháng cuối năm 2021; Chỉ thị lập kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2022; chuẩn bị đầy đủ, hoàn thiện các nội dung phục vụ kỳ họp thứ nhất - HĐND tỉnh khóa X.

2. Tiếp tục thực hiện nghiêm túc các văn bản chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ, Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Ban Chỉ đạo phòng, chống dịch Covid-19 và hướng dẫn của Bộ Y tế về công tác phòng, chống dịch Covid-19, tuyệt đối không chủ quan, lơ là; tuần tra, kiểm soát, quản lý chặt chẽ, không để xảy ra tình trạng nhập cảnh, vượt biên trái phép gây ra lây nhiễm Covid-19 trong cộng đồng; chủ động ứng phó tình huống người dân trở về từ các vùng dịch; tiếp tục thực hiện tiêm vắc xin phòng Covid-19.

3. Hoàn thành công tác thủy lợi nội đồng; theo dõi sát tình hình thời tiết, kịp thời cảnh báo, thông tin đến người dân chủ động trong sản xuất, xuống

⁴⁷ Đã thu giữ và tiêu hủy 25 kg cần sa, giáo dục nhắc nhở 01 đối tượng.

giống dứt điểm lúa hè thu trước 15/6/2021; tiếp tục vận động người dân chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi phù hợp với điều kiện của từng địa phương, luân canh cây màu trên đất lúa. Đẩy mạnh công tác tiêm phòng, kiểm soát dịch bệnh trên đàn vật nuôi vào thời điểm giao mùa. Theo dõi chặt chẽ tình hình dịch bệnh trên tôm nuôi, kịp thời phát hiện và xử lý nghiêm các trường hợp nhập lậu, vận chuyển, buôn bán trái phép tôm giống, tôm thương phẩm, thức ăn tươi sống cho thủy sản. Chủ động các biện pháp phòng, chống thiên tai. Triển khai kế hoạch trồng bảo tồn cây Gõ nước tại xã Long Vĩnh, huyện Duyên Hải; trồng rừng thay thế các công trình chuyển đổi mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác và Chương trình 01 tỷ cây xanh.

Xây dựng mới các văn bản hướng dẫn thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới để triển khai thực hiện trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2021 - 2025; xây dựng chương trình phát triển du lịch nông thôn, giữ gìn và phát huy các giá trị văn hóa trong chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới 2021-2025. Ban hành Kế hoạch thực hiện Đề án lựa chọn, hoàn thiện, nhân rộng mô hình HTX kiểu mới hiệu quả trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2021 - 2025.

4. Triển khai thực hiện Trang thông tin điện tử bằng ngôn ngữ Việt - Nhật; tập trung công tác giải phóng mặt bằng KCN Cổ Chiên và kêu gọi đầu tư vào các cụm công nghiệp; đẩy nhanh công tác giải phóng mặt bằng các dự án điện gió. Xây dựng Kế hoạch thực hiện Chương trình bình ổn thị trường (đợt 2) năm 2021 và Tết Nhâm Dần năm 2022.

5. Rà soát, cắt giảm, điều chuyển kế hoạch vốn đầu tư công năm 2021; hoàn chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn 05 năm 2021 - 2025; xây dựng dự toán ngân sách địa phương năm 2022, kế hoạch tài chính ngân sách 03 năm 2022 - 2024.

6. Tổ chức kỳ thi tuyển sinh lớp 10 năm học 2021 - 2022; chuẩn bị tốt các nội dung cho kỳ thi tốt nghiệp THPT và tuyển sinh đại học, giáo dục nghề nghiệp năm 2021. Kiểm tra công nhận trường đạt chuẩn quốc gia; tập huấn trực tuyến hướng dẫn sử dụng sách giáo khoa lớp 6. Tăng cường quản lý hoạt động nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ; xây dựng kế hoạch hỗ trợ đăng ký bảo hộ tài sản trí tuệ trong nước cho các tổ chức, cá nhân trên địa bàn tỉnh năm 2021; triển khai cuộc thi khởi nghiệp, đổi mới, sáng tạo năm 2021.

7. Tổ chức các cuộc hội thảo, tư vấn giới thiệu việc làm, đẩy mạnh hoạt động tuyển dụng, đào tạo cung ứng lao động đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài theo hợp đồng gắn với công tác phòng, chống dịch bệnh Covid -19. Thực hiện tốt các chính sách trợ giúp xã hội, chính sách đối với người có công. Tổ chức Hội giảng nhà giáo giáo dục nghề nghiệp lần thứ III năm 2021. Xây dựng chuẩn mức sống của hộ khá, giàu đặc thù của tỉnh và Nghị quyết của Tỉnh ủy về công tác giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025 định hướng đến năm 2030; thành lập Ban Chỉ đạo thực hiện rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo giai đoạn 2021 - 2025 và Quy chế hoạt động của Ban Chỉ đạo tỉnh.

8. Đẩy nhanh tiến độ thực hiện các chương trình, chính sách trong vùng đồng bào dân tộc; tham mưu xây dựng Nghị quyết của Tỉnh ủy về tiếp tục phát

triển toàn diện vùng đồng bào Khmer giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030; Kế hoạch thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh. Thăm, chúc mừng chức sắc, chức việc và nhà tu hành của Phật giáo trên địa bàn tỉnh nhân dịp lễ Phật đản PL.2565 - DL.2021. Tổ chức các hoạt động nhân Tháng hành động vì trẻ em.

9. Tổ chức các hoạt động nhân kỷ niệm 20 năm Ngày Gia đình Việt Nam 28/6. Xây dựng Kế hoạch triển khai Cuộc vận động “*Toàn dân rèn luyện thân thể theo gương Bác Hồ vĩ đại*” giai đoạn 2021 - 2030. Tạo điều kiện cho các vận động viên tham gia thi đấu các giải thể thao; tăng cường công tác quảng bá, xúc tiến du lịch. Tham mưu xây dựng Nghị quyết của Tỉnh ủy về chuyển đổi số tỉnh Trà Vinh giai đoạn 2020 - 2025, tầm nhìn đến năm 2030.

10. Đẩy nhanh tiến độ xây dựng Kế hoạch sử dụng đất 05 năm thời kỳ 2021 - 2025 cấp tỉnh và Quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021 - 2030 cấp huyện; tổ chức sơ kết tình hình triển khai, cụ thể hóa Chỉ thị số 46-CT/TU ngày 21/3/2019 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy; tổng kết 05 năm việc thực hiện Chỉ thị số 15-CT/TU, Chỉ thị số 48-CT/TU của Ban Thường vụ Tỉnh ủy và Kế hoạch số 01/KH-UBND, Kế hoạch số 52/KH-UBND của UBND tỉnh.

11. Chuẩn bị nội dung phục vụ Đoàn kiểm tra công tác cải cách hành chính năm 2021 của Ban Chỉ đạo Cải cách hành chính của Chính phủ; tiếp tục sắp xếp cơ quan, tổ chức đơn vị sự nghiệp công lập của các sở, ban, ngành tỉnh theo Đề án số 05-ĐA/TU ngày 21/6/2018 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Quyết định số 638/QĐ-UBND, Quyết định số 639/QĐ-UBND ngày 05/4/2018 của UBND tỉnh. Hoàn tất các bước về Điều tra cơ sở hành chính năm 2021; triển khai các Đoàn thanh tra theo kế hoạch; tăng cường công tác tiếp công dân nhằm xử lý kịp thời, hiệu quả các khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh của công dân, tổ chức thuộc thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

12. Chủ động bám sát địa bàn, nắm chắc tình hình, đảm bảo ổn định an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội, tăng cường tuần tra đảm bảo an toàn giao thông. Tổ chức tổng kết công tác tuyển chọn, gọi công dân nhập ngũ năm 2021; sơ kết 06 năm thực hiện Luật Nghĩa vụ quân sự giai đoạn 2016 - 2021./.

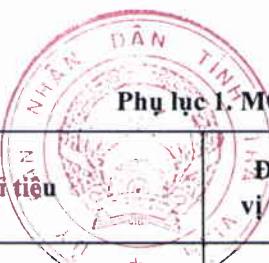
Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ KH&ĐT;
- Vụ IV - VPCP;
- Bộ Tư lệnh QK9;
- TT. TU, TT. HĐND tỉnh;
- Các Thành viên UBND tỉnh;
- Các sở, ngành tỉnh (3 hệ);
- HĐND, UBND các huyện, Thị xã, thành phố;
- LĐVP.UBND tỉnh
- Các phòng NC;
- Lưu VT, THNV. 04

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH Lê Văn Hảo



Lê Văn Hảo



Phụ lục 1. MỘT SỐ CHỈ TIÊU CHỦ YẾU THÁNG 5 NĂM 2021

T T	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện cùng kỳ năm 2020	Năm 2021			So sánh (%)	
				Kế hoạch	UTH tháng 5	UTH 05 tháng	Kế hoạch	Cùng kỳ
1	Tổng thu ngân sách	Tỷ đồng	8,031.052	10,177.910	1,404.355	8,210.299	80.67	102.23
	Trong đó: Thu nội địa	Tỷ đồng	1,988.973	5,000.000	535.092	2,302.130	46.04	115.74
2	Tổng chi ngân sách	Tỷ đồng	2,816.776	9,738.160	588.434	2,595.586	26.65	92.15
3	Số dự án đầu tư đăng ký mới ⁽¹⁾	Dự án	16		3	13		81.25
	- Số dự án trong nước	Dự án	16		3	13		81.25
	- Số vốn đăng ký trong nước	Tỷ đồng	357.99		27.28	10,282.93		2,872.41
	- Số dự án FDI	Dự án	0	3	0	0		
	- Vốn đăng ký FDI	triệu USD	0.00	250	0.00	0.00		
4	Phát triển doanh nghiệp ⁽²⁾							
	- Thành lập mới							
	+ Số doanh nghiệp	DN	148	500	30	172	34.40	116.22
	+ Số chi nhánh, địa điểm kinh doanh		113		13	84		74.34
	+ Vốn đăng ký	Tỷ đồng	1,759.0		30.5	4,209.5		239.31
	- Đăng ký bổ sung							
	+ Số doanh nghiệp và đơn vị trực thuộc	DN	654		39	361		55.20
	+ Vốn bổ sung	Tỷ đồng	486		272	2,424		498.77
	- Giải thể	DN	34		8	44		129.41

(1) Đến nay có 382 dự án đầu tư còn hiệu lực, trong đó có 341 dự án trong nước với vốn đăng ký 121.855,96 tỷ đồng, 41 dự án FDI với vốn đăng ký 3.106,81 triệu USD

(2) Đến nay có 3.056 doanh nghiệp, vốn 43.205,51 tỷ đồng, 101.339 lao động (trong đó có 44 doanh nghiệp FDI)

BỘ LỤC MÃ 2. SẢN XUẤT NÔNG - LÂM NGHIỆP - THỦY SẢN THÁNG 5 NĂM 2021

T T	CHỈ TIÊU HỘ Kinh doanh	Đơn vị tính	Thực hiện cùng kỳ năm 2020	Năm 2021			So sánh (%)	
				Kế hoạch	UTH tháng 5	Cộng đồng từ đầu vụ đến 15/5	Kế hoạch	Cùng kỳ
A	NÔNG NGHIỆP							
	Diện tích gieo trồng hàng năm	Ha	109,670	245,996	41,292	128,706	52.32	117.36
	* Cây lương thực có hạt							
	- Diện tích gieo trồng	ha	83,632	198,146	37,461	102,003	51.48	121.97
	- Diện tích thu hoạch	ha	47,821	198,146	13,306	62,776	31.68	131.27
	- Sản lượng	Tấn	231,908	1,105,484	89,266	398,136	36.01	171.68
1	Lúa cả năm							
	- Diện tích gieo sạ	Ha	81,406	194,346	37,324	99,758	51.33	122.54
	- Diện tích thu hoạch	Ha	46,133	194,346	12,569	61,064	31.42	132.37
	- Năng suất	Tấn/ha	4.83	5.58	6.80	6.37	114.18	131.80
	- Sản lượng	Tấn	223,044	1,084,584	85,424	389,114	35.88	174.46
a	Lúa mùa							
	- DT gieo sạ	Ha	2,263			1,330		58.77
	- Diện tích thu hoạch	Ha	2,214			1,330		60.07
	- Năng suất	Tấn/ha	3.94			4.87		123.46
	- Sản lượng	Tấn	8,726			6,471		74.16
b	Vụ Đông Xuân							
	- Diện tích xuống giống	Ha	60,457	50,346		59,734	118.65	98.80
	- Diện tích thu hoạch	Ha	43,919	50,346	12,569	59,734	118.65	136.01
	- Năng suất	Tấn/ha	4.88	6.60	6.80	6.41	97.06	131.27
	- Sản lượng	Tấn	214,319	332,284	85,424	382,643	115.16	178.54
c	Lúa Hè thu							
	- Diện tích gieo sạ	Ha	18,686	74,000	37,324	38,694	52.29	207.08
	- Diện tích thu hoạch	Ha		74,000			-	
	- Năng suất	Tấn/ha		5.20			-	
	- Sản lượng	Tấn		384,800			-	
2	Cây màu, cây công nghiệp ngắn ngày và cây hàng năm							
	- Diện tích gieo trồng	Ha	28,265	51,650	3,968	28,948	56.05	102.42
	- Diện tích thu hoạch	Ha	19,950	51,650	6,295	19,170	37.11	96.09
	- Năng suất bình quân	tấn/ha	19.35	25.53	16.09	21.17	82.92	109.38
	- Sản lượng	Tấn	386,087	1,318,608	101,266	405,808	30.78	105.11
a	Màu lương thực							
	- Diện tích gieo trồng	Ha	3,400	6,170	235	3,313	53.69	97.43
	- Diện tích thu hoạch	Ha	2,373	6,170	989	2,246	36.40	94.63
	- Năng suất bình quân	tấn/ha	8.30	9.71	8.03	7.84	80.79	94.50
	- Sản lượng	Tấn	19,698	59,895	7,943	17,614	29.41	89.42
	Trong đó:							
	+ Bắp:							
	- Diện tích gieo trồng	Ha	2,227	3,800	137	2,245	59.07	100.82
	- Diện tích thu hoạch	Ha	1,688	3,800	737	1,712	45.05	101.41
	- Năng suất	Tấn/ha	5.25	5.50	5.21	5.27	95.82	100.38
	- Sản lượng	Tấn	8,863	20,900	3,842	9,022	43.17	101.79

T T	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện cùng kỳ năm 2020	Năm 2021			So sánh (%)	
				Kế hoạch	UTH tháng 5	Cộng đồng từ đầu vụ đến 15/5	Kế hoạch	Cùng kỳ
	+ <i>Khoai lang</i>							
	- Diện tích gieo trồng	Ha	656	1,250	53	596	47.70	90.91
	- Diện tích thu hoạch	Ha	374	1,250	142	318	25.45	85.03
	- Năng suất	Tấn/ha	16.13	16.20	16.31	16.33	100.81	101.24
	- Sản lượng	Tấn	6,035	20,250	2,318	5,196	25.66	86.09
	+ <i>Khoai mì</i>							
	- Diện tích gieo trồng	Ha	336	670	0	259	38.72	77.23
	- Diện tích thu hoạch	Ha	159	670	54	117	17.53	73.85
	- Năng suất	Tấn/ha	15.52	17.50	16.30	15.74	89.94	101.42
	- Sản lượng	Tấn	2,468	11,725	885	1,848	15.76	74.90
	+ <i>Cây có củ khác</i>							
	- Diện tích gieo trồng	Ha	182	450	45	212	47.16	116.85
	- Diện tích thu hoạch	Ha	152	450	55	98	21.86	64.71
	- Năng suất	Tấn/ha	15.34	15.60	16.30	15.74	100.90	102.61
	- Sản lượng	Tấn	2,332	7,020	898	1,548	22.05	66.40
b	Màu thực phẩm							
	- Diện tích gieo trồng	Ha	15,923	31,980	2,554	16,424	51.36	103.14
	- Diện tích thu hoạch	Ha	11,743	31,980	2,830	11,846	37.04	100.88
	- Năng suất bình quân	tấn/ha	22.40	22.19	22.42	22.59	101.79	100.84
	- Sản lượng	Tấn	263,031	709,638	63,467	267,572	37.71	101.73
	Trong đó:							
	+ <i>Rau màu các loại</i>							
	- Diện tích gieo trồng	Ha	15,591	31,500	2,501	16,118	51.17	103.38
	- Diện tích thu hoạch	Ha	11,613	31,500	2,781	11,749	37.30	101.17
	- Năng suất	Tấn/ha	22.63	22.50	22.79	22.76	101.16	100.57
	- Sản lượng	Tấn	262,802	708,750	63,380	267,399	37.73	101.75
	+ <i>Đậu các loại</i>							
	- Diện tích gieo trồng	Ha	332	480	53	306	63.70	92.01
	- Diện tích thu hoạch	Ha	130	480	49	97	20.26	74.81
	- Năng suất	Tấn/ha	1.76	1.85	1.78	1.78	96.27	101.19
	- Sản lượng	Tấn	229	888	88	173	19.50	75.70
c	Cây công nghiệp ngắn ngày							
	- Diện tích gieo trồng	Ha	8,942	13,500	1,180	9,212	68.23	103.02
	- Diện tích thu hoạch	Ha	5,833	13,500	2,475	5,078	37.62	87.05
	- Năng suất bình quân	tấn/ha	17.72	40.67	12.06	23.75	58.40	134.06
	- Sản lượng	Tấn	103,358	549,075	29,856	120,622	21.97	116.70
	Trong đó:							
	+ <i>Mía cây</i>							
	- Diện tích gieo trồng	Ha	1,195	1,200	436	1,227	102.22	102.67
	- Diện tích thu hoạch	Ha	290	1,200	45	317	26.46	109.47
	- Năng suất	Tấn/ha	95.25	100.00	90.56	95.37	95.37	100.13
	- Sản lượng	Tấn	27,623	120,000	4,081	30,276	25.23	109.61
	+ <i>Đậu phộng</i>							
	- Diện tích gieo trồng	Ha	3,648	4,500	231	3,651	81.12	100.08
	- Diện tích thu hoạch	Ha	2,982	4,500	1,790	2,980	66.21	99.92

T T	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện cùng kỳ năm 2020	Năm 2021			So sánh (%)	
				Kế hoạch	UTH tháng 5	Cộng dồn từ đầu vụ đến 15/5	Kế hoạch	Cùng kỳ
	- Năng suất	Tấn/ha	5.42	5.35	5.40	5.42	101.33	100.07
	- Sản lượng	Tấn	16,153	24,075	9,665	16,152	67.09	99.99
	+ Cây lác							
	- Diện tích gieo trồng	Ha	1,427	2,500	174	1,418	56.70	99.34
	- Diện tích thu hoạch	Ha	749	2,500	463	756	30.26	100.95
	- Năng suất	Tấn/ha	10.87	12.00	10.90	10.92	91.00	100.43
	- Sản lượng	Tấn	8,147	30,000	5,049	8,260	27.53	101.39
	+ Cây khác							
	- Diện tích gieo trồng	Ha	2,672	5,300	338	2,917	55.04	109.15
	- Diện tích thu hoạch	Ha	1,812	5,300	177	1,025	19.33	56.55
	- Năng suất	Tấn/ha	28.39	70.75	62.35	64.35	90.95	226.70
	- Sản lượng	Tấn	51,435	375,000	11,061	65,933	17.58	128.19
B	THỦY - HẢI SẢN:							
1	Tổng sản lượng	Tấn	72,116	237,580	21,400	79,887	33.63	110.78
	Trong đó : - Tôm các loại	"	18,709	78,330	8,305	23,961	30.59	128.07
	- Sản lượng Khai thác	Tấn	32,367	79,380	6,168	31,853	40.13	98.41
	+ Khai thác hải sản (mặn, lợ)	Tấn	28,919	71,500	5,525	28,679	40.11	99.17
	Trong đó: - Tôm các loại	"	2,411	6,000	749	2,400	40.01	99.57
	- Cá các loại	"	16,116	40,000	3,531	15,061	37.65	93.45
	- Hải sản khác	"	10,392	25,500	1,245	11,218	43.99	107.95
	+ Khai thác nội đồng (nước ngọt)	Tấn	3,448	7,880	643	3,174	40.28	92.05
	Trong đó: - Tôm các loại	"	347	630	101	447	70.97	128.92
	- Cá các loại	"	743	1,850	237	914	49.39	122.95
	- Thủy sản khác	"	2,359	5,400	306	1,814	33.59	76.90
	- Sản lượng Nuôi trồng thủy sản	Tấn	39,749	158,200	15,232	48,034	30.36	120.84
	Trong đó: + Vùng mặn lợ	"	16,935	78,500	8,027	23,277	29.65	137.45
	- Tôm sú	"	2,909	12,500	998	4,076	32.61	140.10
	- Tôm thẻ chân trắng	"	12,127	56,800	6,370	16,453	28.97	135.67
	- Cua biển	"	1,678	7,000	645	2,059	29.41	122.69
	- Thủy sản khác	"	221	2,200	14	690	31.36	312.17
	+ Vùng nước ngọt	"	22,814	79,700	7,206	24,757	31.06	108.52
	- Tôm càng xanh	"	916	2,400	87	585	24.37	63.89
	- Cá lóc	"	15,336	48,300	5,764	17,980	37.23	117.25
	- Cá tra, cá ba sa	"	1,482	6,000	280	1,651	27.52	111.40
	- Cá các loại	"	5,081	23,000	1,074	4,541	19.74	89.37
2	Diện tích nuôi trồng thủy sản	Ha	36,649	57,600	6,469	34,488	59.88	94.10
	- Diện tích nuôi mặn, lợ	Ha	36,115	53,400	6,080	33,713	63.13	93.35
	Trong đó: - Nuôi tôm sú	"	16,852	23,000	2,736	15,581	67.74	92.46
	- Tôm thẻ chân trắng	"	3,585	9,500	810	3,483	36.66	97.15
	- Nuôi cua biển	"	15,474	19,000	2,534	14,199	74.73	91.76
	- Thủy sản khác	"	203	1,900	-	450	23.68	221.67
	- Diện tích nuôi nước ngọt	Ha	534	4,200	389	775	18.46	145.16

T T	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện cùng kỳ năm 2020	Năm 2021			So sánh (%)	
				Kế hoạch	UTH tháng 5	Cộng dồn từ đầu vụ đến 15/5	Kế hoạch	Cùng kỳ
<i>* Tình hình thiệt hại tôm sú</i>								
- Tổng số hộ thả nuôi	Lượt hộ	14,422		2,793	14,153			98.13
- Số hộ bị thiệt hại	Lượt hộ	1,465		463	1,219			83.21
- Diện tích thả nuôi	Ha	16,852		2,736	15,581			92.45
- Diện tích bị thiệt hại	Ha	678		225	539			79.46
- Số con giống thả nuôi	Triệu con	1,074		179	960			89.35
- Số con giống bị thiệt hại	Triệu con	106		30	105			99.34
- Tỷ lệ con giống bị thiệt hại	%	9.82		16.90	10.92			111.18
<i>* Tình hình thiệt hại tôm thẻ chân trắng</i>								
- Tổng số hộ thả nuôi	Lượt hộ	9,835		2,468	10,934			111.17
- Số hộ bị thiệt hại	Lượt hộ	2,013		428	1,420			70.54
- Diện tích thả nuôi	Ha	3,585		810	3,484			97.17
- Diện tích bị thiệt hại	Ha	653		121	388			59.42
- Số con giống thả nuôi	Triệu con	2,237		659	2,808			125.52
- Số con giống bị thiệt hại	Triệu con	497		98	318			64.02
- Tỷ lệ con giống bị thiệt hại	%	22.20		14.93	11.32			51.00



Phụ lục số 3. SẢN XUẤT CÔNG NGHIỆP - THƯƠNG MẠI THÁNG 5 NĂM 2021

T T	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện cùng kỳ năm 2020	Năm 2021			So sánh (%)	
				Kế hoạch	UTH tháng 5	UTH 5 tháng	Kế hoạch	Cùng kỳ
A	GIÁ TRỊ SẢN XUẤT CÔNG NGHIỆP - TTCN (GIÁ 2010)	Tỷ đồng	14,928.230	45,145.000	3,229.522	15,482.347	34.29	103.71
	<i>Trong đó:</i>							
	- Khai khoáng	Tỷ đồng	5.602	13.220	0.860	5.797	43.85	103.49
	- Công nghiệp chế biến, chế tạo	"	5,753.788	16,492.000	1,260.492	6,410.923	38.87	111.42
	- Sản xuất và phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước và điều hòa không khí.	"	9,056.702	28,326.900	1,944.733	8,952.481	31.60	98.85
	- Cung cấp nước, hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải	"	112.138	312.880	23.437	113.146	36.16	100.90
	Sản phẩm chủ yếu:							
1	Thủy sản đông lạnh	Tấn	3,883	11,500	660	3,208	27.89	82.61
2	Đường kết	Tấn	12,371	15,000		5,951	39.67	48.10
3	Than hoạt tính	Tấn	3,184	7,800	870	3,895	49.94	122.33
4	Thuốc viên các loại	Tr.viên	377	1,002	101	569	56.80	151.04
5	May mặc(quần áo các loại)	1000chiếc	2,244	19,488	525	2,330	11.96	103.84
6	Thảm dệt các loại	1000m ²	766	2,000	189	953	47.64	124.43
7	Nước sinh hoạt	1000m ³	13,189	32,800	2,829	13,525	41.24	102.55
8	Gạo xay xát	Tấn	121,147	749,834	24,907	126,142	16.82	104.12
9	Bộ truyền dẫn điện dùng trong ô tô	1000 bộ	4,250	11,235	897	4,814	42.85	113.29
10	Sản xuất túi xách các loại	1000cái	800	3,725	269	1,285	34.50	160.73
11	Sản lượng điện thương phẩm	Tr. Kwh	444	1,300	103	455	34.96	102.26
12	Sản lượng điện sản xuất	Tr. Kwh	8,703	26,748	2,089	8,369	31.29	96.16
B	TỶ LỆ HỘ SỬ DỤNG ĐIỆN TRONG TỈNH	%	98.96	99.20		99.18	99.98	100.22
	Phát triển hộ sử dụng điện	Hộ	5,524	1,422	706	1,014	71.31	18.36
C	TỔNG MỨC BÁN LẺ HÀNG HÓA VÀ DOANH THU DỊCH VỤ	Tỷ đồng	15,138.13	36,000.00	3,606.83	18,274.48	50.76	120.72
	Bán lẻ hàng hoá	Tỷ đồng	10,314.00	24,787.44	2,240.95	12,160.69	49.06	117.90
	Dịch vụ lưu trú, ăn uống	Tỷ đồng	2,225.78	5,820.00	571.47	3,004.74	51.63	135.00
	Du lịch lữ hành	Tỷ đồng	9.75	23.20	2.29	12.03	51.87	123.48
	Dịch vụ khác	Tỷ đồng	2,588.61	5,369.36	792.13	3,097.02	57.68	119.64